**CHƯƠNG I: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919-1930**

**BÀI 14: VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

**Câu 1. Vì sao Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?**

A. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

B. Để bù đắp thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra ở chính quốc.

C. Để cạnh tranh với các nước tư bản khác.

D. Để biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho Pháp.

**Câu 2. Trong công cuộc khai thác thuộc địa lần hai, Pháp đã tăng cường đầu tư vốn vào ngành nào nhiều nhất?**

A. Công nghiệp nặng

B. Công nghiệp nhẹ

C. Nông nghiệp và khai thác mỏ

D. Thương nghiệp và xuất khẩu

**Câu 3. Vì sao Pháp tăng cường đầu tư vốn vào nông nghiệp và khai thác mỏ?**

A. Bù đắp sự thiệt hại nặng nề do chiến tranh gây ra.

B. Cao su và than đá là hai mặt hàng mà thị trường Pháp và thế giới có yêu cầu cao.

C. Tạo điều kiện có việc làm cho lao động Việt Nam.

D. Thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.

**Câu 4. Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đã đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vì?**

A. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

B. Cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

C. Muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.

D. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

**Câu 5. Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?**

A. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương.

B. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản.

C. Lập ngân hàng Đông Dương.

D. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

**Câu 6. Những thủ đoạn thâm độc nhất của tư bản Pháp về chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm nô dịch lâu dài nhân dân Việt Nam là gì?**

A. Thâu tóm quyền hành trong tay người Pháp.

B. Câu kết với vua quan Nam triều để đàn áp nhân dân.

C. "Chia để trị".

D. Khủng bố, đàn áp nhân dân ta.

**Câu 8. Chính sách văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp được thực hiện nhằm mục đích gì?**

A. Mở các trường học dạy tiếng Pháp.

B. Thi hành chính sách văn hóa nô dịch.

C. Xuất bản sách báo tuyên truyền chính sách "khai thác" của Pháp.

D. Tạo điều kiện cho nền văn hóa, giáo dục Việt Nam phát triển…

**Câu 9. Giai cấp nào trở thành tay sai, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp tăng cường chiếm đoạt, bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị đối với người nông dân?**

A. Giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Tầng lớp đại địa chủ.

C. Tầng lớp tư sản mại bản

D. Giai cấp tư sản dân tộc.

**Câu 11. Thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến đối với thực dân Pháp như thế nào?**

A. sẵn sàng thoả hiệp với Pháp để chống tư sản dân tộc.

B. sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp khi bị chèn ép.

C. sẵn sàng thoả hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.

D. sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị cắt xén quyền lợi về kinh tế.

**Câu 12. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương có hai giai cấp bị phân hoá thành hai bộ phận, đó là các giai cấp nào?**

A. Giai cấp nông dân và giai cấp công nhân.

B. Giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.

C. Giai cấp địa chủ phong kiến và giại cấp tư sản.

D. Giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản.

**Câu 13. Giai cấp tư sản Việt Nam bị phân hoá thành hai bộ phận nào?**

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.

C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

**Câu 14. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng nào?**

A. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ

B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

C. Bị ba tầng lớp áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc

D. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung.

**Câu 15. Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là giai cấp nào?**

A. Giai cấp nông dân

B. Giai cấp công nhân

C. Giai cấp tiểu tư sản.

D. Giai cấp tư sản dân tộc.

**Câu 16. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân?**

A. Tiểu tư sản

B. Công nhân

C. Tư sản

D.Địachủ

**Câu 17. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ giai cấp nào trong xã hội Việt Nam?**

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép.

D. Thợ thủ công bị thất nghiệp

**Câu 18. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?**

A. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp

D. Mâu thuẫn giữa tư sản và địa chủ.

**BÀI 15: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG** **VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

**Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, những sự kiện nào trên thế giới ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam?**

A. Thành công của cách mạng tháng Mười Nga (1917), sự thành lập Quốc tế cộng sản (1919).

B. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

C. Hội nghị Véc- xai.

D. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước châu Âu.

**Câu 2. Trần Dân Tiên ví “Như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân” cho sự kiện nào?**

A. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu - Trung Quốc (6/1924).

B. Cuộc đầu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925).

C. Phong trào đấu tranh đòi để tang cụ Phan Chu Trinh (1926).

D. Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930).

**Câu 3. Đảng Lập Hiến là tổ chức của giai cấp nào?**

A. Giai cấp công nhân.

B. Giai cấp tiểu tư sản.

C. Giai cấp tư san dân tộc.

D. Giai cấp phong kiến.

**Câu 4. Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919-1924 chủ yếu là gì?**

A. Đòi quyền lợi về kinh tế.

B. Đòi quyền lợi về chính trị.

C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. Để giải phóng dân tộc.

**Câu 5. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?**

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).

B. Tổng bãi công của công nhân Bắc Kì (1922).

C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son - Sài Gòn (8/1925).

D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

**BÀI 16: HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI (1919-1925)**

**Câu 1. Con đường đi tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với lớp người đi trước?**

A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

B. Đi sang Châu Mĩ tìm đường cứu nước.

C. Đi sang Châu Phi tìm đường cứu nước.

D. Đi sang phương Đông tim đường cứu nước.

**Câu 2. Câu thơ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: “Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười”?**

A. Khi Người sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari.

B. Khi Người đọc luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

C. Khi Người viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo “Người cùng khổ”.

D. Khi Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).

**Câu 3. Để nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác-Lê nin và tìm hiểu cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1917 đến đầu 1923 Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở đâu?**

A. Liên Xô

C. Pháp

B. Trung Quốc

D.Thái Lan

**Câu 4. Từ 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào?**

A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.

C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.

D. Câu a và c đúng.

**Câu 5. Mục đích của chủ trương “vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là gì?**

A. Đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống lao động với công nhân để tự rèn luyện, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin.

B. Rèn luyện tính kỷ luật cho hội viên.

C. Hội viên sống gần gũi với quần chúng.

D. Xây dựng phong trào cách mạng ở tận cơ sở.

**Câu 6. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1924 có ý nghĩa gì?**

A. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê nin để truyền bá về trong nước.

B. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.

C. Xây dựng mối quan hệ liên minh giữa công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

**BÀI 17: CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI**

**Câu 1. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là gì?**

A. Báo “Thanh niên”.

B. Báo “Nhân đạo”.

C. Báo "Đời sống công nhân”.

D. Báo “Người cùng khổ”.

**Câu 2. Chủ trương năm 1928 của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là gì?**

A. Phong trào đòi quyền tự quyết dân tộc.

B. Phong trào “vô sản hóa”.

C. Phong trào đòi tự do dân chủ.

D. Phong trào đấu tranh dân tộc, dân chủ.

**Câu 3. Nội bộ Tân Việt cách mạng Đảng phân hóa vì sao?**

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát triển mạnh, lý luận và tư tưởng cách mạng của Chủ nghĩa Mác-Lê nin có ảnh hưởng đến số Đảng viên trẻ của Tân Việt.

B. Nội bộ Tân Việt không thống nhất.

C. Tác động của tình hình thế giới vào Việt Nam.

D. Sự vận động hợp nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

**Câu 4. Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929 những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?**

A. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.

B. Do phong trào dân tộc và dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh.

C. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam Quốc dân Đảng tan rã.

D. Sự phát triển mạnh của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt.

**Câu 5. Quá trình phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?**

A. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng.

B. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản tiên đoàn.

D. Đông Dương Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Câu 6. Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) nơi diễn ra sự kiện nào?**

A. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời (3/1929)

B. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5/1929)

C. Thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929)

D. Thành lập An Nam Cộng sản Đảng (7/ 1929)

**Câu 7. Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản & Việt Nam vào năm 1929 có sự hạn chế gì?**

A. Nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ, mất đoàn kết, ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

B. Phong trào cách mạng Việt Nam có nguy cơ tụt lùi.

C. Phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại

D. Kẻ thù lợi dụng để đàn áp cách mạng.

**CHƯƠNG II: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1939**

**BÀI 19**

**Câu 1. Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) ở các nước tư bản lại ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam?**

a. Vì Việt Nam phụ thuộc Pháp.

b. Vì kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp.

c. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc Pháp.

d. Vì Việt Nam là thị trường của tư bản Pháp.

**Câu 2. Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) thực dân Pháp đã làm gì?**

a. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.

b. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

c. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.

d. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các nước thuộc địa.

**Câu 3. Sự kiện nào sau đây là sự kiện cơ bản đẫn đến sự bừng nổ của phong trào cách mạng 1930 - 1931?**

a. Ảnh hướng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933

b. Do sự khủng bố trắng của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9/2/1930)

c. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930)

d. Cả 3 sự kiện trên

**Câu 4. Năm 1930 Nghệ Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất vì sao?**

a. Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất

b. Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

c. Là nơi có đội ngũ cán bộ Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.

d. Là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm, là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

**Câu 5. Phong trào cách mạng ở Nghệ-Tĩnh phát triển đến đỉnh cao vào thời gian nào?**

a. Tháng 5/1930.

b. Tháng 7/1930.

c. Tháng 9/1930.

d. Tháng 10/1930

**Câu 6. Hai khẩu hiệu nào dưới đây được Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931?**

a. “Độc lập dân tộc" và “Ruộng đất dân cày”.

b. “Tự do dân chủ” và “Cơm áo hoà bình".

c. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”.

d. “Đánh đổ đế quốc” và "Xoá bỏ ngôi vua”.

**Câu 7. Điều gì chứng tỏ: tháng 9/1930 phong trào công-nông đã phát triển tới đỉnh cao?**

a. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

b. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang và thành lập chính quyền Xô Viết

c. Đã thực hiện liên minh công nông vững chắc.

d. Đã kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

**Câu 8. Chính quyền cách mạng ở Nghệ-Tĩnh được gọi là chính quyền Xô viết vì:**

a. Chính quyền đầu tiên của công nông.

b. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

c. Hình thức của chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).

d. Hình thức chính quyền theo kiểu nhà nước mới

**Câu 9. Chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh đã làm gì để xây dựng xã hội mới?**

a. Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện quyền tự do dân chủ.

b. Bãi bỏ các thứ thuế do đế quốc phong kiến đặt ra, chia lại ruộng đất, giảm tô, xóa nợ.

c. Khuyến khích nông dân học chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín.

d. Tất cả ý trên đúng.

**Câu 10. Phong trào cách mạng 1930 -1931 đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?**

A. ĐCS Việt Nam sau là ĐCS Đông Dương

B. Đảng Dân chủ Việt Nam

C. Đảng Lao động Việt Nam

D. Mặt trận Việt Minh

**Câu 11. Địa điểm nào sau đây không thuộc phạm vi bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931?**

A. Nghệ An – Hà Tĩnh

B. Phú Riềng

C. Thái Bình, Hà Nam, các tỉnh Nam Kì

D. Quảng Châu, Thái Bình, Hà Nam, Hà Tĩnh

**Câu 12. Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào 1930 -1931 là ai?**

A. Nông dân, công nhân, tiểu tư sản

B. Nông dân, công nhân

C. Nông dân, công nhân, tư sản, tiểu tư sản

D. Nông dân, công nhân, tư sản

**Câu 13. Căn cứ vào đâu để nói rằng Xô Viết Nghệ Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?**

A. Thi hành nhiều chính sách đem lại quyền lợi cho quần chúng

B. Gianh chính quyền trong cả nước

C. Chia ruộng đất công cho công nhân

D. Chú trọng tuyên truyền, giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng

**Câu 14. Trong phong trào cách mạng 1930-1931, sự kiện lịch sử nào thể hiện tinh thần đoàn kết của giai cấp công nhân Việt Nam với nhân dân lao động thế giới?**

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

B. Tháng 5/1930, bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động

C. Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An)

D. Thành lập chính quyền Xô viết – Nghệ Tĩnh

**BÀI 20**

**Câu 1. Năm 1933 chủ nghĩa phát xít lên nắm chính quyền ở đâu?**

a. Đức, Anh, Pháp.

b. Đức, I-ta-li-a, Mĩ.

c. Đức, Nhật, I-ta-li-a.

d. Đức, Pháp, Mĩ.

**Câu 2. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7/1935) xác định kẻ thù trước mắt nguy hiểm của nhân dân thế giới là gì?**

a. Chủ nghĩa thực dân cũ.

c. Chủ nghĩa phát xít.

b. Chủ nghĩa thực dân mới.

d. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

**Câu 3. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7/1935) đã có những chủ trương gì?**

a. Thành lập Đảng Cộng sản ở mỗi nước.

b. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước.

c. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.

d. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

**Câu 4. Trong năm 1936, Mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào Nghị viện, lên cầm quyền và ban hành một số chính sách tiến bộ cho các nước thuộc địa.**

a. Nước Đức.

b. Nước Pháp.

c. Nước Anh.

d. Nước Tây Ban Nha.

**Câu 5. Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kỳ 1936 - 1939 dựa trên cơ sơ nào?**

a. Đường lối nghị quyết của Quốc tế cộng sản.

b. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.

c. Tình hình thế giới, trong nước có sự thay đổi và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản.

d. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

**Câu 6. Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương thời kỳ 1936-1939 là:**

a. Bọn phản động thuộc địa.

b. Chủ nghĩa phát xít.

c. Bọn phản động Pháp và bè lũ tay sai.

d. Thực dân Pháp và chính quyền phong kiến.

**Câu 7. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương thời kỳ 1936-1939 là gì?**

a. Chống phát xít chống chiến tranh.

b. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai.

c. Chống phát xít, chống chiến tranh, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình.

d. Chống thực dân Pháp giành độc lập và chống phong kiến đòi ruộng đất cho dân cày.

**Câu 8. Năm 1936 Đảng ta chủ trương thành lập mặt trận gì?**

a. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

b. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

c. Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

d. Mặt trận nhân dân Đông Dương.

**Câu 9. Hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng trong thời kỳ 1936-1939 có gì khác so với thòi kỳ 1930 -1931?**

a. Đấu tranh bí mật.

b. Đấu tranh hợp pháp nửa hợp pháp, công khai nửa công khai.

c. Đấu tranh bất hợp pháp.

d. Đấu tranh công khai.

**Câu 10. Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của phong trào cách mạng 1936-1939?**

**a. Khối liên minh công nông được hình thành**

**b. Chủ nghĩa Mác Lê Nin được truyền bá rộng**

**c. Quần chúng nhân dân được tập dượt hình thức đấu tranh mới**

**d. Trình độ chính trị và công tác của cán bộ và đảng viên được nâng cao một bước rõ rệt**

**Câu 11. Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 ở Việt Nam kết thúc khi?**

**a. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ**

**b. Liên Xô bị phát xít Đức tấn công**

**c. Quốc tế cộng sản ngừng hoạt động**

**d. Công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp**

**Câu 12. Phong trào đấu tranh công khai rộng lớn của quần chúng trong phong trào cách mạng 1936-1939 ở Việt Nam?**

**a. Vận động thành lập Uỷ ban trù bị Đông Dương Đại hội**

**b. Đón phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền Pháp mới**

**c. Cuộc mít tinh biểu tình của hơn 2,5 vạn người tại Khu Đấu xào (Hà Nội)**

**d. Mặt trận dân chủ Đông Dương được thành lập**

**CHƯƠNG III : CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**

**BÀI 21**

**Câu 1. Ở Đông Dương năm 1940 thực dân Pháp đứng trước 2 nguy cơ nào?**

a. Đầu hàng Nhật, vừa đàn áp nhân dân Đông Dương.

b. Đánh bại Nhật, vừa đàn áp nhân dân Đông Dương.

c. Ngọn lửa cách mạng giải phong dân tộc của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng nổ, phát xít Nhật đang lăm le hất cẳng Pháp.

d. Cấu kết với Nhật để đàn áp nhân dân Đông Dương.

**Câu 2. Thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương và thỏa hiệp với phát xít Nhật, phát xít Nhật lôi kéo tập họp tay sai tuyên truyền lừa bịp để dọn đường hất cẳng- Pháp. Đó là đặc điểm tình hình Việt Nam trong thời kỳ:**

a. 1930-1931

b. 1932-1933

c. 1936-1939

d. 1939-1945

**Câu 3. Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn dần từng bước để:**

a. Biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.

b. Để độc quyền chiếm Đông Dương.

c. Biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

d. Để làm bàn đạp tấn công nước khác.

**Câu 4. Để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương và tăng cường việc đầu cơ tích trữ để vơ vét bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp đã thi hành chính sách gì?**

a. Tăng các loại thuế gấp ba lần.

b. Thi hành chính sách “Kinh tế chỉ huy”.

c. Thu mua lương thực theo giá rẻ mạt.

d. Bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay

.**câu 5. Sự áp bức bóc lột dã man của Nhật- Pháp đã dẫn đến hậu quả gì?**

a. Mâu thuẫn giữa toàn thể-nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

b. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp sâu sắc.

c. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật -Pháp sâu sắc.

d. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

**Câu 6. Nguyên nhân chung làm cho ba cuộc khỏi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương thất bại là gì?**

a. Quần chúng chưa sẵn sàng.

b. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức, chuẩn bị đầy đủ, thời cơ chưa chín muồi.

c. Lực lượng vũ trang còn yếu.

d. Lệnh tạm hoãn khởi nghĩa về không kịp.

**Câu 7. Ngày 23/7/1941, Chính phủ Pháp công bố kí kết một bản hiệp ước giữa Pháp và Nhật là**

a. Hiệp ước Am ninh Pháp – Nhật

b. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương

c. Hiệp ước hòa bình Pháp – Nhật

d. Hiệp ước phát triển kinh tế Pháp – Nhật

**BÀI 22**

**Câu 1. Tháng 6/1941 tình hình thế giới diễn ra sự kiện gì?**

a. Chiến tranh thế giới bùng nổ.

b. Phát xít Đức tận công Liên Xô.

c. Phát xít Đức tấn công Pháp.

d. Phát xít Đức tấn công Bỉ, Hà Lan.

**Câu 2. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước sau bao nhiêu năm xa cách?**

a. 15 năm.

b. 20 năm.

c. 25 năm.

d. 30 năm.

**Câu 3. Nhà thơ Tố Hữu viết: “Ba mươi năm chân bước không mỏi - Mà đến bây giờ mới tới nơi"**

Đó là hai câu thơ nói về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và đến khi Người quay về Tổ quốc. Vậy Nguyễn Ái Quốc về nước vào ngày tháng năm nào? Ở đâu?.

a. Ngày 25/1/1941, tại Pác Bó - Cao Bằng.

b. Ngày 28/1/1941, tại Tân Trào - Tuyên Quang.

c. Ngày 28/1/1941, tại Pác Bó - Cao Bằng.

d. Ngày 28/2/1941, tại Hà Nội.

**Câu 4. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thư VIII tổ chức tại đâu?**

a. Pác Bó (Cao Bằng)

b. Bắc Cạn

c. Bắc Sơn (Lạng sơn)

d. Tân Trào (Tuyên Quang)

**Câu 5. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII tổ chức trong khoảng thời gian nào?**

a. Từ 10-15/5/1941

b. Từ 10-19/5/1941

c. Từ 10-25 /5/1941

d. Từ 10-29/5/1941

**Câu 6. Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần VIII, Hội nghị đã chủ trương thành lập mặt trận nào?**

a. Mặt trận Liên Việt.

b. Mặt trận Đồng minh.

c. Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

d. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương

**Câu 7. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII quyết định tạm gác khẩu hiệu nào?**

a. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo”

b. “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”.

c. “Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng công”.

d. Thực hiện “Người cày có ruộng”.

**Câu 9. “Liên hiệp hết thảy với các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, để cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”, đó là chủ trương cua Đảng Cộng sản Đông Dương khi thành lập:**

a. Mặt trận Dân tộc thống nhất Đông Dương.

b. Mặt trận Dân chủ Đông Dương

c. Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

d. Các tổ chức quần chúng (Hội cứu quốc) của mặt trận Việt Minh.

**Câu 10. Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập ngày nào?**

a. 10/5/1941

b. 15/5/1941

c. 19/5/1941

d. 29/5/1941

**Câu 11. Vai trò của Mặt trận Việt Minh được thể hiện trong thời kỳ nào?**

a. 1930-1931

b. 1936-1939

c. 1939-1941

d. 1941-1945

**Câu 12. Tỉnh nào được coi là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh?**

a. Cao Bằng

b. Bắc Cạn.

c. Lạng sơn

d. Hà Giang.

**Câu 13. Bản chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa” và kêu gọi nhận dân “sắm vũ khí đuổi thù chung” là của:**

a. Ban chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương

b. Hồ Chí Minh

c. Tổng bộ Việt Minh

d. Cứu quốc quân

**Câu 14. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ngày tháng năm nào?**

a. 22/12/1941.

b.22/12/1942.

c. 22/12/1943.

d.22/12/1944.

**Câu 15. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người?**

a. Do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm đội trưởng có 36 người

b. Do đồng chí Trường Chinh làm đội trưởng có 34 người

c. Do đồng chí Phạm Hùng làm đội trưởng có 35 người

d. Do đồng chí Hoàng Sâm làm đội trưởng có 34 người

**Câu 16. Nguyên nhân Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9/3/1945?**

a. Nhật đang khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh, Mĩ, phe phát xít đang thua to

b. Ở Đông Dương, thực dân Pháp đang ráo riết hoạt động chờ đội quân Đồng minh.

c. Để độc chiếm Đông Dương.

d. Cả ba ý kiến trên.

**Câu 17. Khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?**

a. Cuộc đảo chính Nhật-Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.

b. Ra chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

c. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật để độc quyền chiếm Đông Dương.

d. Nhật là kẻ thù chủ yếu của nhân dân Đông Dương.

**Câu 19. Khi Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng nhận định kẻ thù chính cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là ai?**

a. Thực dân Pháp.

b. Phát xít Nhật.

c. Phát xít Pháp - Nhật.

d. Phát xít Nhật và phong kiến nhà Nguyễn.

**Câu 20. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã quyết định:**

a. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.

b. Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.

c. Phát động một cao trào “Kháng Nhật cứu nước”.

d. Khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 21: Cho các sự kiện: 1) Nhật đậu hàng Đồng minh không điều kiện; 2) Quân Nhật vượt biên giới Việt – Trung, tiến vào miền Bắc Việt Nam; 3) Nhật đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương.**

Thứ tự đúng theo thời gian các sự kiện trên là

**A.** 3, 2, 1. **B.** 1, 2, 3.

**C.** 1, 3, 2. **D.** 2, 3, 1.

**Câu 22: Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?**

**A.** Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, hoàn chỉnh việc hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.

**B.** Củng cố được khối đoàn kết nhân dân.

**C.** Giương cao ngọn cờ dân chủ.

**D.** Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

**Câu 23: Trong quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945), một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng Cộng sản Đông Dương là vận động quần chúng tham gia:**

**A.** Hội Liên Việt. **B.** các Ủy ban hành động.

**C.** Mặt trận Việt Minh. **D.** các Hội Phản đế.

**Bài 23: TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

**Câu 1. Tháng 8/1945 điều kiện khách quan bên ngoài rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành độc lập đó là:**

A. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường Châu Âu.

B. Sự thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở mặt trận Xô – Đức.

C. Quân phiệt Nhật đã đầu hàng Đồng Minh không điều kiện.

D. Sự nổi dậy giành thắng lợi của nhân dân các nước Đông Âu.

**Câu 2. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 14 đến 15/8/1945 ở đâu?**

A. Pác Bó (Cao Bằng). B. Bắc Sơn (Võ Nhai).

C. Tân Trào (Tuyên Quang). D. Phay Khắt (Cao Bằng).

**Câu 3. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 14 đến 15/8/1945 đã quyết định vấn đề gì?**

A. Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

C. Khởi nghĩa giành chính quyề2n ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

**Câu 4. Đại hội Quốc dân được tiến hành ở Tân Trào (Ngày 16/8/945) gồm những đại biểu thuộc các thành phần nào?**

A. Ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc tiêu biểu ý chí và nguyện vọng của toàn dân.

B. Giai cấp công nhân, nông dân cả nước.

C. Giai cấp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức cả nước.

D. Các Đảng phái đoàn thể tổ chức mặt trận trong cả nước.

**Câu 5. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, lập ủy Ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm chủ tịch, đó là quyết định của:**

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (8/1945)

B. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (8/1945)

C. Hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Trung ương (3/1945)

D. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (4/1945)

**Câu 6. Sự kiện mở đầu cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước là**

A. Quảng Ngãi khởi nghĩa giành thắng lợi ở tỉnh lị ngày 14/8/1945.

B. Võ Nguyên Giáp chỉ huy một đơn vị giải phóng quân từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên chiều ngày 16/8/1945.

C. nhân dân Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị ngày 14/8/1945.

D. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế giành thắng lợi tối ngày 23/9/1945.

**Câu 7. “ Đồng bào rầm rập kéo tới quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đọc Tuyên ngôn. Chương trình của Việt Minh và kêu gọi nhân dân giành chính quyền. Bài hát Tiến quân ca lần đầu tiên vang lên". Đây là không khí từ cuộc mít tinh chuyển thành khởi nghĩa giành chính quyền ở:**

A. Hà Nội (19/8/1945). B. Sài Gòn (25/8/1945).

C. Huế (23/8/1945). D. Bắc Giang, Hải Dương (18/8/1945).

**Câu 8. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong cả nước là**

A. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

D. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

**Câu 9. Ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình, đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại nào?**

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời Kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt các đại biểu quốc dân.

D. Chủ tịch Hồ Chí minh gửi thư tới đồng bảo cả nước, kêu gọi Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 10. Tổng khởi nghĩa đã nhanh chóng thành công trong cả nước, chỉ trong vòng 15 ngày:**

A. Từ ngày 13 - 27/8/1945. B. Từ ngày 15 - 29/8/1945.

C. Từ ngày 14 - 28/8/1945. D. Từ ngày 16 - 30/8/1945.

**CHƯƠNG IV: VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN**

**Câu 1. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, quân đội nước nào trong phe đồng minh tiến vào miền Bắc nước ta?**

A.Pháp. B.Anh. C.Trung Hoa dân quốc. D.Mĩ.

**Câu 2. Tình hình tài chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào?**

A.Tài chính bước đầu xây dựng. B.Tài chính phát triển.

C.Tài chính lệ thuộc vào Nhật-Pháp. D.Tài chính trống rỗng.

**Câu 3 . Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất đối với đất nước sau Cách mạng tháng Tám-1945?**

a. Nạn đói, nạn dốt.

b. Đế quốc và tay sai ở nước ta còn đông và mạnh.

c. Những tàn dư của chế độ thực dân phong kiến.

d. Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

**Câu 4. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám là gì?**

a. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

b. Giải quyết về vấn đề tài chính.

c. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

d. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

**Câu 5. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?**

a. Lập hũ gạo tiết kiệm.

b. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

c. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

d. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

**Câu 6. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?.**

a. Động viên lòng nhiệt tình yêu nước và ủng hộ Chính phủ của nhân dân.

b. Chính phủ ký sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31/1/1946).

c. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23/11/1941).

d. Tiết kiệm chi tiêu.

**Câu 7. Chính sách nào do Chính phủ ban hành có thể thực hiện được ngay?**

a. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày.

b. Chia lại mộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ

c. Ra thông tư giảm tô.

d. Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác.

**Câu 8. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?**

a. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

b. Quyên góp tiền, để xây dựng đất nước.

c. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.

d. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

**Câu 9. Nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Đó là kết quả và ý nghĩa của:**

a. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám.

b. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám.

c. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết về tài chính sau Cách mạng tháng Tám.

d. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói, nạn dốt.

**Câu 10. Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?**

a. Bọn Việt Quốc, Việt Cách.

b. Đế quốc Anh và quân Nhật còn lại ở Việt Nam.

c. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

d. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

**Câu 11. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đâu?**

a. Sài Gòn - Chợ Lớn.

b. Nam Bộ.

c. Trung Bộ.

d. Bến Tre.

**Câu 12. Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hoà hoãn với Tưởng Giới Thạch để chống Pháp, khi thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?**

a. Tưởng dùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong.

b. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của quân Anh.

c. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù mạnh.

d. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

**Câu 13. Trước ngày 6/3/1946 Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?**

a. Hoà với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ.

b. Hoà với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi Miền Bắc.

c. Hoà với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

d. Tập trung lực lượng đánh cả Pháp lẫn Tường.

**Câu 14. Lý do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?**

a. Ta chưa đủ sức đánh 2 vạn quân Tưởng.

b. Tưởng cỏ bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách hỗ trợ từ bên trong.

c. Tránh trình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong khí ta còn có nhiều khó khăn.

d. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

**Câu 15. Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hoà hoãn nhân nhượng Pháp?**

a. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

b. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

c. Vì Pháp và Tưởng đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

d. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

**Câu 16. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?**

a. Quốc hội khoá I (2/3/1946) nhường cho Tưởng một số ghế trong Quốc hội.

b. Hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946).

c. Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp (6/3/1946).

d. Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946).

**Câu 17. Việc kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chứng tỏ:**

a. Sự mềm dẻo của ta trong việc phân hoá kẻ thù.

b. Sự lùi bước tạm thời của ta.

c. Sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.

d. Sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

**Câu 18. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta?**

a. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do.

b. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

c. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.

d. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

**Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?**

a. Thực dân Pháp âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

b. Thời gian đàm phán ngắn.

c. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

d. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

**CHƯƠNG V: VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954**

**Câu 1. Hành động nghiêm trọng trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước tiến công ta?**

A. ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng của ta.

B. ở Bắc Bộ thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

C. ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.

D. 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ hạ vũ khí đầu hàng

**Câu 2. Sự kiện nào trực tiếp đưa đến quyết định của Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp?**

A. Pháp đánh Hải Phòng (11/1946).

B. Pháp đánh chiếm Lạng Sơn (11/1946).

C Pháp tấn công vào cơ quan Bộ Tài chính ở Hà Nội (12/1946).

D. 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư buộc ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

**Câu 3. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?**

A. Kháng chiến toàn diện.

B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.

C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 4. Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến biểu hiện ở điểm nào?**

A. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta

B. Mục đích cuộc kháng chiến của ta là tự vệ chính nghĩa.

C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.

D. Chủ trương sách lược của Đảng ta.

**Câu 5. Tính chất nhân dân của cuộc kháng chiến của ta biểu hiện ở điểm nào?**

A. Nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta.

B. Mục đích kháng chiến của Đảng ta.

C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.

D. Đường lối kháng chiến của Đảng ta

**Câu 6. Đường lối kháng chiến toàn diện của ta diễn ra trên các mặt trận: Quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao. Vậy chủ yếu là quyết định của mặt trận nào?**

A. Quân sự.

B. Chính trị.

C. Kinh tế.

D. Ngoại giao.

**Câu 7. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” là của ai?**

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Trường Chinh,

C. Phạm Văn Đồng.

D. Võ Nguyên Giáp.

**Câu 8. Nơi nào hưởng ứng “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đầu tiên?**

A. Hà Nội.

B. Nam Định,

C. Huế.

D. Sài Gòn.

**Câu 9. Ý nghĩa của cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947)?**

A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta.

B. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

C. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân toàn diện.

D. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới.

**Câu 10. Kết quả lớn nhất của quân và dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc là gì?**

A. Là mốc khởi đầu sự thay đổi trong so sánh lực lượng cỏ lợi cho cuộc kháng chiến của ta.

B. Bộ đội của ta được trường thành lên trong chiến đấu.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch.

D. Bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” buộc địch phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

**Câu 11. Thắng lợi đó đã chứng minh sự đúng đắn đường lối kháng chiến của Đảng, là mốc khởi đau sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lọi cho cuộc kháng chiến của ta. Đó là ý nghĩa của chiến dịch nào?**

A. Chiến dịch Việt Bắc 1947.

B. Chiến dịch Biên Giới 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 12. Sau thất bại ở Việt Bắc và buộc phải chuyển sang đánh lâu dài, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì?**

A. Dựa vào bọn Việt gian phản động để chống lại ta.

B. Tăng viện binh từ bên Pháp sang để giành thế chủ động.

C. “Dùng người Việt đánh người Việt”, “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

D. Bình định mở rộng địa bàn chiếm đóng.

**Câu 13. Sau thắng lợi quân sự ở Việt Bắc (1947) thắng lợi tiếp theo có ý nghĩa to lớn đó là:**

A. Thắng lợi về kinh tế - chính trị.

B. Thắng lợi về chính trị - ngoại giao.

C. Thắng lợi về ngoại giao - văn hoá giáo dục.

D. Thắng lợi về kinh tế - ngoại giao.

**Câu 14. Yếu tố nào sau đây là mối lo sợ nhất mà Pháp Mĩ thực hiện âm mưu “khoá cửa biên giới Việt-Trung” thiết lập “Hành lang Đông-Tây” chuẩn bị kế hoạch tấn công Việt Bắc lần thứ hai?**

a. 1/10/1949 Cách mạng Trung Quốc thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời.

b. Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.

c. Phong trào phản đối chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao.

d. Sau chiến dịch Việt Bắc (1947) so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.

**Câu 15. Năm 1950 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Rove nhằm mục đích gì?**

a. Mở một cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc.

b. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

c. Khoá cửa biên giới Việt-Trung, cô lập căn cứ địa Việt Bắc, thiết lập hành lang Đông-Tây (từ Hải Phòng đến Sơn La).

d. Nhận được viện trợ về tài chính và quân sự của Mĩ.

**Câu 16. Vì sao ta mở chiến dịch Biên giới 1950?**

a. Tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc kháng chiến của ta tiến lên một bước.

b. Khai thông biên giới, con đường liên lạc quốc tế giữa ta và Trung Quốc với các nước dân chủ thế giới.

c. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông biên giới Việt Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa cách mạng tạo điều kiện đẩy mạnh cách mạng.

d. Để đánh bại kế hoạch Rơve.

**Câu 17. Trong chiến dịch Biên giới, trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?**

a Đông Khê.

b. Thất Khê.

c. Phục kích đánh địch trên đường số 4.

d. Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút chạy.

**Câu 18. Kết quả lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới 1950 là gì?**

a. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân địch.

b. Giải phóng vùng biên giới Việt Trung dài 750 km từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân

c. Hành lang Đông-Tây bị chọc thủng ở Hoà Bình

d. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc. Kế hoạch Rơve của Pháp bị phá sản.

**Câu 19. Thắng lợi này chứng minh sự trưởng thành của quân đội ta và cuộc kháng chiến từ thế phòng ngự sang thế tiến công. Đó là ý nghĩa lịch sử của chiến dịch nào?**

a. Chiến dịch Việt Bắc 1947.

b. Chiến dịch Biên giới 1950.

c. Chiến dịch Tây Bắc 1952.

d. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 20. Sau thất bại trong chiến dịch Biên Giới, Pháp có âm mưu gì mới?**

a. Nhận thêm viện trợ của Mĩ, tăng viện binh.

b. Đẩy mạnh chiến tranh, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất.

c. Bình định mở rộng địa bàn chiếm đóng.

d. Bình định kết hợp phản công và tiến công lực lượng cách mạng.

**Câu 21. “Kế hoạch Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi” 12/1950 ra đời là kết quả của:**

a. Sự cấu kết giữa Pháp và Mĩ trong việc đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

b. Sự can thiệp ngày càng sâu của Mĩ vào chiến tranh xâm lược Đông Dương.

c. Sự "dính líu trực tiếp" của Mĩ vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

d. Sự cứu vãn tình thế sa lầy trên chiến trường của Pháp.

**Câu 22. “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” ngày 23/12/1950 là hiệp định Mĩ viện trợ cho Pháp về:**

a. Kinh tế.

b. Quân sự.

c. Quân sự, kinh tế-tài chính.

d. Tài chính.

**Câu 23. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951) họp tại đâu?**

a. Hương Cảng (Trung Quốc).

b. Ma Cao (Trung Quốc),

c. Pác Bó (Cao Băng).

d. Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

**Câu 24. Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam của đồng chí Trường Chinh đã:**

a. Đặt nhiệm vụ chống phong kiến lên hàng đầu.

b. Đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu.

c. Đặt nhiệm vụ chống phong kiến đồng thời với nhiệm vụ chống đế quốc.

d. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

**Câu 25. Đại hội Đảng lần thứ II quyết định Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là gì?**

a. Đảng Cộng sản Đông Dương

b. Đảng Cộng sản Việt Nam

c. Đảng Lao động Việt Nam

d. Đảng Cộng sản Liên đoàn

**Câu 26. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam trong Báo cáo Chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II là gì?**

a. Đánh đổ đế quốc phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ.

b. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

c. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới.

d. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

**Câu 27. Ai được bầu làm Tổng bí thư của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ II?**

a. Hồ Chí Minh.

b. Phạm Văn Đồng.

c. Trường Chinh.

d. Trần Phú.

**Câu 28. Là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi. Đó là ý nghĩa của sự kiện nào?**

a. Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930).

b. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10/1930).

c. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935).

d. Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951).

**CHƯƠNG VI: VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975**

**Câu 1. Pháp rút lui khỏi miền Nam, Mĩ nhảy vào đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền để thực hiện âm mưu gì?**

a. Chống phá cách mạng miền Bắc.

b. Chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ của Mĩ.

c. Cô lập miền Bắc.

d. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

**Câu 2. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?**

a. Có vai trò quan trọng nhất.

b. Có vai trò cơ bản nhất.

c. Có vai trò quyết định trực tiếp.

d. Có vai trò quyết định nhất.

**Câu 3. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?**

a. Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp.

b. Đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne- vơ, bảo vệ hòa bình.

c. Bảo vệ miền Bắc XHCN, để Miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.

d. Chống “tố cộng”, “diệt cộng”, đòi quyền tự do, dân chủ.

**Câu 4. Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam từ những năm 1954 -1959 diễn ra dưới hình thức nào?**

a. Biểu tình.

b. Đấu tranh chính trị.

c. Đấu tranh vũ trang.

d. Chính trị kết hợp vũ trang.

**Câu 5. “Phong trào ra đời với Bản hiệu triệu hoan nghênh Hiệp định Giơ-ne-vơ, ủng hộ Hiệp thương tuyển cử, được sự hưởng ứng rộng rãi của các tầng lớp nhân dân”. Đó là phong trào nào?**

a. Chống khủng bố đàn áp của Mĩ - Diệm.

b. Phong trào đấu tranh của nhân dân các thành phố lớn Huế, Đà Nắng.

c. “Phong trào hòa bình” ờ Sài Gòn Chợ Lớn.

d. Phong trào vì mục tiêu hòa bình của nhân dân các thành phố lớn và các vùng nông thôn.

**Câu 6. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?**

a. Đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

b. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

c. Khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.

d. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

**Câu 7. ‘‘Đồng khởi” có nghĩa là:**

a. Đồng lòng đứng dậy khởi nghĩa.

b. Đồng sức đứng dậy khởi nghĩa.

c. Đồng loạt đứng dậy khởi nghĩa.

d. Đồng tâm hiệp lực khởi nghĩa.

**Câu 8. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” là gì?**

a. Giáng một đòn mạnh mẽ vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

b. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

c. Chứng tỏ lực lượng cách mạng của ta đã phát triển mạnh. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

d. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 9. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày nào?**

a. 20/9/1960.

b. 20/10/1960.

c. 20/11/1960.

d. 20/12/1960.

**Câu 10. Đại hội nào của Đảng được xác định là “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”?**

a. Đại hội lần thứ I

b. Đại hội lần thứ II.

c. Đại hội lần thứ III.

d. Đại hội lần thứ IV.

**Câu 11. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Bắc sẽ là gì?**

a. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định trực tiếp.

b. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định nhất.

c. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam.

d. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ bảo vệ cách mạng miền Nam

**Câu 12. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Nam là gì?**

a. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò bảo vệ cách mạng XHCN ở miền Bắc.

b. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định nhất.

c. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp nhất.

d. Miền Nam là tiền tuyến, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc.

**Câu 13. Chiến thuật được sử dụng trong “Chiến tranh đặc biệt” là gì?**

a. Gom dân, lập “ấp chiến lược”.

b. “Trực thăng vận”, “thiết xa vận”.

c. Càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng.

d. “Bình định” toàn bộ Miền Nam.

**Câu 14. Mục tiêu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là gì?**

a. “Bình định” miền Nam trong 8 tháng.

b. “Bình định” miền Nam trong 18 tháng

c. “Bình định” miền Nam có trọng điểm.

d. “Bình định” trên toàn miền Nam.

**Câu 15. Thắng lợi quân sự của ta mở đầu trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là gì?**

a. An Lão

b. Ba Gia

c. Ấp Bắc

d. Bình Giã

**Câu 16. Cuộc đấu tranh chính trị nào đã làm rung chuyển chế độ Sài Gòn trong năm 1963?**

a. Biểu tình của 2 vạn tăng ni Phật tử Huế (8/5/1963).

b. Hòa thượng Thích Quản Đức tự thiêu để phản đối Diệm (11/6/1963).

c. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn (16/6/1963).

d. Cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ anh em Diệm - Nhu (1/11/1963).

**Câu 17. Chiến thắng quân sự nào tiêu biểu nhất làm phá sản cơ bản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?**

a. Chiến thắng An Lão

b. Chiến thắng Bạ Gia.

c. Chiến thắng Bình Giã

d. Chiến thắng Đồng Xoài.

**Câu 18. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa đến cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm?**

a. Do nội bộ chính quyền Ngụy mâu thuẫn.

b. Do Mĩ giật dây cho tướng lĩnh Dương Văn Minh.

c. Do chính quyền Ngô Đình Diệm suy yếu.

d. Do phong trào đấu tranh quyết liệt của nhân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận, làm rung chuyển chế độ Sài Gòn.

**Câu 19. Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở Miền Nam Việt Nam?**

a. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

b. Quân đội Mĩ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.

c. Quân đội Mĩ, quân đồng minh.

d. Quân đội Sài Gòn, quân đồng minh.

**Câu 20. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) chứng tỏ điều gì?**

a. Lực lượng vũ trang miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân Viễn chinh Mĩ.

b. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trường thành nhanh chóng.

c. Quân Viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

d. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ.

**Câu 21. Mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt” trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?**

a. Ấp Bắc.

b. Mùa khô 1965 - 1966.

c. Vạn Tường.

d. Mùa khô 1966-1967.

**Câu 22. Tính chất ác liệt của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thể hiện ở chỗ nào?**

a. Quân Mĩ không ngừng tăng lên vệ số lượng.

b. Quân Mĩ nhảy vào cuộc chiến nhằm cứu vãn quân đội Sài Gòn.

c. Quân Mĩ cùng quân đồng minh và quân đội Sài Gòn cùng tham chiến.

d. Mục tiêu tiêu diệt quân chủ lực của ta, vừa bình định miền Nam, vừa phá hoại miền Bắc.

**Câu 23. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?**

a. Chiến thắng Vạn Tường được coi như là “Ắp Bắc” đối với quân Mĩ.

b. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.

c. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.

d. Nâng cao uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

**Câu 24. Trong “Việt Nam hóa chiến tranh”, lực lượng nào là chù yếu để tiến hành chiến tranh?**

a. Quân đội Mĩ

b. Quân đội ngụy

c. Quân đội Mĩ + các đồng minh

d. Quân đội Mĩ + quân đội ngụy

**Câu 25. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?**

a. Rút dần quân Mĩ về nước.

b. Tận dụng người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ.

c. Đề cao học thuyết Ních-Xơn.

d. Dùng người Việt đánh người Việt.

**Câu 26. Thủ đoạn trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?**

a. Tăng số lượng ngụy quân.

b. Rút dần quân Mĩ về nước.

c. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Cam-pu-chia.

d. Cô lập cách mạng Việt Nam.

**Câu 27. Nguyên nhân trực tiếp nào có ý nghĩa quyết định nhất buộc Mĩ phải ký hiệp định Pari (27/1/1973)?**

a. Do đòi hỏi của dư luận thế giới đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

b. Do đòi hỏi của nhân dân Mĩ đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

c. Do Mĩ liên tục thất bại quân sự trên chiến trường Việt Nam, nhất là trận “Điện Biên Phủ trên không”.

d. Do Mĩ không còn đủ sức tiếp tục cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

**Câu 28. Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pari, điều khoản nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?**

a. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

b. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

c. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

d. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 29. Hiệp định Pari có nhiều ý nghĩa, ý nghĩa nào là quan trọng nhất?**

a. Là cơ sở pháp lý quốc tế công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

b. Đánh dấu sự phá sản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ,

c. Tạo điều kiện để miền Bắc đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH, miền Nam có cơ sở chính tri, pháp lý để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (đánh cho ngụy nhào).

d. Là kết quả của quá trình đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta.

**Câu 30. Chọn câu thích hợp điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng?**

“Hiệp định Pari về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của ” ………….

a. quân dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mĩ.

b. quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh của đế quốc Mĩ.

c. quân dân ta trên cả hai miền đất nước.

d. quân dân ta trên mặt trận quân sự.

**Câu 31. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pari đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là gì?**

a. Đánh cho “Mĩ cút” “Ngụy nhào”

b. Phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh của Mĩ.

c. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Ngụy nhào”.

d. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân tiến lên đánh cho “Mĩ cút”, “Ngụy nhào”.

**Câu 32. Tình hình nhiệm vụ của miền Bắc thời kì 1973 -1975 có gì khác trước?**

a. Khắc phục hậu quả chiến tranh.

b. Khôi phục phát triển kinh tế - văn hóa.

c. Tiếp tục chi viện cho miền Nạm và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.

d. Không làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ.

**Câu 33. Hoàn cảnh lịch sử nào sau Hiệp định Pari có ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc?**

a. Quân Mĩ và Đồng minh rút hết về nước.

b. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.

c. Miền Bắc trở lại hòa bình.

d. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam.

**Câu 34. Điều nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari?**

a. Tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở những cuộc hành quân “bình định lấn chiếm” vùng giải phóng.

b. Nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.

c. Nhận viện trợ quân sự của Mĩ.

d. Lập Bộ chỉ huy quân sự.

**Câu 35. Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, nhận định kẻ thù của nhân dân ta là:**

a. Nguỵ quyền Sài Gòn.

b. Mĩ và quân đồng Minh của Mĩ.

c. Để quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu

d. Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

**Câu 36. Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm là đâu?**

a. Đồng bằng Nam Bộ.

b. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

c. Trung Bộ và Khu V.

d. Mặt trận Trị - Thiên.

**Câu 37. Sau Hiệp định Pari, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?**

a. Quân Mĩ và quân Đồng minh rút về nước, ngụy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

b. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.

c. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.

d. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

**Câu 38.Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến 1/1975 quân dân ta ở miền Nam đã giành được nhiều thắng lợi. Thắng lợi nào sau đây chưa chính xác?**

a. Đánh trả địch trong các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm”.

b. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.

c. Giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

d. Giải phóng Buôn Ma Thuột.

**Câu 39. Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?**

a. Quân Mĩ và quân đồng minh đã rút khỏi miền Nam, Ngụy mất chỗ dựa.

b. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

c. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

d. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 40. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên là gì?**

a. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân ta tiến lên giải phỏng hoàn toàn miền Nam.

b. Làm cho tinh thần địch hốt hoảng, mất khả năng chiến đấu.

c. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới : Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam

d. Đó là thắng lợi mở đầu, có ý nghĩa hết sức quan trọng.

**Câu 41. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Huế - Đà Nẵng?**

a. Mở ra quá trình sụp đổ không sao gượng nổi của ngụy quyền Sài Gòn.

b. Gây nên tâm lý tuyệt vọng của quân ngụy, đưa cuộc tiến công và nổi dậy của ta tiến lên một bước với sức mạnh áp đảo.

c. Tạo điều kiện giải phóng các tỉnh miền Trung và Nam Bộ còn lại.

d. Dồn ngụy quân, ngụy quyền vào thế bị động lúng túng.

**Câu 42. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hồ Chí Minh?**

a. Tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

b. Đây là thắng lợi có tính quyết định nhất.

c. Thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc.

d. Thắng lợi có tinh chất thời đại, làm phá sản học thuyết Ních-Xơn.

**Câu 43. Nguyên nhân nào có tính quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta?**

a. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn

b. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng

c. Có hậu phương lớn miền Bắc XHCN.

d. Sự giúp đỡ của các nước XHCN, tinh thần đoàn kết của nhân dân 3 nước Đông Dương.

**Câu 44. Ý nghĩa lịch sử cơ bản nhất của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975).**

a. Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta.

b. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

c. Mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thông nhất, đi lên CNXH.

d. Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

**CHƯƠNG VII:VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000**

**Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?**

a. Khắc phục hậu quá chiến tranh và phát triển kinh tế.

b. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở 2 miền Nam - Bắc.

c. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

d. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

**Câu 2. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?**

a. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

b. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

c. Đất nước đã được độc lập, thống nhất

d. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

**Câu 3. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?**

a. Số người mù chữ số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao

b. Bọn phản động trong nước vẫn còn

c. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu

d Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề

**Câu 4. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?**

a. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11/1975).

b. Tổng tuyến cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25/4/1976).

c. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kỳ họp đầu tiên (24/6-2/7/1976).

d. Đại hội thống nhất Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

**Câu 5. Việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước có ý nghĩa gì?**

a. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân xây dựng Việt Nam độc lập và thống nhất.

b. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

c. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ quốc tế.

d. Tất cả đều đúng.

**Câu 6. Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?**

a. Lấy tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

c. Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.

d. Đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 7. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI?**

a. Đổi mới về kinh tế.

b. Đối mới về chính trị.

c. Đổi mới về văn hóa.

d. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

**Câu 8. Đại hội Đảng lần thứ VI đã xác định rõ quan điểm đổi mới của Đảng CSVN là đổi mói toàn diện và đồng bộ, nhưng trọng tâm là gì?**

a. Đổi mới về chính trị.

b. Đổi mới về kinh tế và chính trị.

c. Đổi mới về kinh tế.

d. Đổi mới về văn hóa.

**Câu 9. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?**

a. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

b. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

c. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

d. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

**Câu 10. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?**

a. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

b. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

c. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

d. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

**Câu 11. Trong những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?**

a. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế.

b. Phát triển kinh tế đối ngoại.

c. Kiềm chế được lạm phát.

d. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.